

QUY ĐỊNH

Về thu phí trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp
(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2013/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Phí trông giữ xe đạp, xe đạp điện, xe điện 02 bánh, xe mô tô, xe gắn máy, xe ô tô là khoản thu đối với chủ phương tiện có nhu cầu trông giữ tại các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện công cộng phù hợp với quy hoạch và quy định về kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị của địa phương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Người sử dụng phương tiện giao thông có nhu cầu trông giữ phương tiện tại các điểm đỗ, bãi trông giữ công cộng phù hợp với quy hoạch và quy định về kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị của địa phương.

Điều 3. Đối tượng miễn

Các điểm đỗ, bãi trông giữ xe do Ban Quản lý bến tàu xe, Hợp tác xã vận tải được cấp có thẩm quyền giao trực tiếp quản lý và kinh doanh.

Điều 4. Mức thu phí theo quy định tại Điều 5 được quy định như sau:

1 Một (01) lượt xe: là 01 lần xe vào và ra ở điểm trông giữ xe; mức thu phí đã bao gồm cả thuế giá trị gia tăng (VAT) và nón bảo hiểm (đối với xe đạp điện, xe điện 02 bánh, xe mô tô, xe gắn máy).

2. Thời gian trông giữ xe ban ngày từ 05 giờ đến 22 giờ; thời gian giữ ban đêm từ sau 22 giờ ngày hôm trước đến trước 05 giờ ngày hôm sau.

Chương II MỨC THU, QUẢN LÝ VÀ CHỨNG TỪ THU PHÍ

Điều 5. Mức thu

1. Khu vực chợ, siêu thị, trung tâm thương mại

Số TT	Loại phương tiện	Mức thu (đồng/xe/lượt)	
		Ban ngày	Ban đêm
1	Xe đạp, xe đạp điện	1.000	2.000
2	Xe gắn máy, xe mô tô, xe điện 02 bánh	2.000	4.000

3	Xe ô tô 05 chỗ ngồi	5.000	10.000
4	Xe ô tô trên 05 chỗ đến 12 chỗ, xe có trọng tải dưới 3,5 tấn	7.000	14.000
5	Xe ô tô trên 12 chỗ, xe có tải trọng 3,5 trở lên	10.000	20.000

2. Khu vực thuộc các tụ điểm vui chơi, lễ hội, giải trí, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá, biểu diễn văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao

Số TT	Loại phương tiện	Mức thu (đồng/xe/lượt)	
		Ban ngày	Ban đêm
1	Xe đạp, xe đạp điện	1.000	2.000
2	Xe gắn máy, xe mô tô, xe điện 02 bánh	3.000	5.000
3	Xe ô tô 05 chỗ ngồi	15.000	30.000
4	Xe ô tô trên 05 chỗ đến 12 chỗ, xe có trọng tải dưới 3,5 tấn	20.000	40.000
5	Xe ô tô trên 12 chỗ, xe có tải trọng 3,5 trở lên	30.000	60.000

3. Phạm vi bệnh viện, trường học, cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề

Số TT	Loại phương tiện	Mức thu	
		Ban ngày (đồng/xe/lượt)	Ban đêm (đồng/xe/lượt)
I	Gửi theo lượt		
1	Xe đạp, xe đạp điện	500	1.000
2	Xe gắn máy, xe mô tô, xe điện 02 bánh	1.000	2.000
3	Xe ô tô 05 chỗ ngồi	4.000	6.000
4	Xe ô tô trên 05 chỗ đến 12 chỗ, xe có trọng tải dưới 3,5 tấn	6.000	9.000
5	Xe ô tô trên 12 chỗ, xe có tải trọng 3,5 trở lên	8.000	10.000
II	Gửi theo tháng	Nội trú (đồng/xe/tháng)	Ngoại trú (đồng/xe/tháng)
1	Xe đạp, xe đạp điện	4.000	6.000
2	Xe gắn máy, xe mô tô, xe điện 02 bánh	8.000	12.000

Điều 6. Quản lý và sử dụng tiền phí

1. Việc quản lý và sử dụng tiền phí thu được thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 và Điều 17 Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh phí, lệ phí; khoản 5 Điều 1 Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-

CP; Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC.

Đơn vị tổ chức thu phải mở tài khoản “tạm giữ tiền phí, lệ phí” tại Kho bạc Nhà nước nơi cơ quan thu đóng trụ sở để theo dõi, quản lý tiền phí thu được. Định kỳ, hàng tuần phải gửi số tiền phí đã thu được vào tài khoản “tạm giữ tiền phí, lệ phí” và phải tổ chức hạch toán riêng khoản thu này theo chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước.

2. Phí trông giữ xe không thuộc Ngân sách Nhà nước, bao gồm phí trông giữ xe thu từ các trường hợp:

a) Các điểm đỗ, bãi trông giữ xe trong phạm vi khuôn viên siêu thị, trung tâm thương mại thuộc quyền quản lý của các doanh nghiệp;

b) Các điểm trông giữ xe trong phạm vi nhà ở của nhân dân;

c) Các tổ chức, cá nhân được thu phí trông giữ xe thuộc các trường hợp nêu trên có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật đối với số phí thu được từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ trông giữ xe và có quyền quản lý, sử dụng số tiền phí sau khi đã nộp thuế.

3. Phí trông giữ xe là khoản thu thuộc Ngân sách Nhà nước, được để lại cho đơn vị thu 100%, bao gồm phí trông giữ xe thu từ các trường hợp:

a) Các điểm đỗ, bãi trông giữ xe trong phạm vi khuôn viên bệnh viện, trường học, cơ sở giáo dục, đào tạo và dạy nghề;

b) Các điểm đỗ, bãi trông giữ xe trong phạm vi quản lý của các cơ quan quản lý các tụ điểm vui chơi, giải trí, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa, biểu diễn văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao;

c) Các điểm đỗ, bãi trông giữ xe trong phạm vi khu vực chợ được Nhà nước giao cho Ban Quản lý chợ trực tiếp kinh doanh khai thác và quản lý.

Trường hợp đơn vị đấu giá hoặc giao khoán cho tổ chức, cá nhân thực hiện quyền khai thác phí trông giữ xe thì tổ chức, cá nhân đó phải thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật đối với số phí thu được từ hoạt động kinh doanh trông giữ xe và có quyền quản lý, sử dụng số tiền phí sau khi đã nộp thuế.

Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm trong việc thành lập Hội đồng đấu giá, tổ chức đấu giá hoặc xét giao khoán cho tổ chức, cá nhân quyền khai thác trông giữ xe; ký kết hợp đồng giao, nhận quyền khai thác phí trông giữ xe với người trúng đấu giá hoặc nhận khoán; đôn đốc người trúng đấu giá hoặc nhận khoán nộp tiền trúng đấu giá hoặc nhận khoán theo hợp đồng đã ký. Các đơn vị có trách nhiệm quản lý và sử dụng số phí thu được theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp có thu.

4. Phí trông giữ xe là khoản thu thuộc Ngân sách Nhà nước, bao gồm phí trông giữ xe thu từ các điểm đỗ, bãi trông giữ xe ngoài quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này. Toàn bộ số tiền phí thu được nộp vào Ngân sách Nhà nước và điều tiết cho ngân sách xã, phường, thị trấn hưởng 100%.

Điều 7. Tổ chức đấu giá quyền khai thác phí trông giữ xe

Các điểm đỗ, bãi trông giữ xe quy định tại khoản 3, Điều 5 Quy định này phải được tổ chức đấu giá quyền khai thác phí trông giữ xe (gọi tắt là đấu giá).

Hàng năm, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn khảo sát về mức giá, tính chất ổn định, số tiền phí thu được của năm trước, khả năng phát triển về số thu của năm tiếp theo để làm cơ sở dự kiến mức giá khởi điểm đưa ra đấu giá cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Để đảm bảo tính công bằng và tăng thu cho Ngân sách, cơ quan chủ trì đấu giá phải thông báo công khai, rộng rãi theo quy định hiện hành của Nhà nước cho các tổ chức, cá nhân về các điểm đỗ, bãi trông giữ xe dự kiến đấu giá, thời gian và địa điểm tổ chức đấu giá. Việc đấu giá quyền khai thác phí trông giữ xe của năm sau phải thực hiện xong trước ngày 15 tháng 12 của năm trước.

Điều 8. Thành phần tổ chức đấu giá

Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định thành lập Hội đồng đấu giá do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn là Chủ tịch Hội đồng, Trưởng ban Tài chính là Phó Chủ tịch Hội đồng, các đơn vị tham gia: đại diện phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thị xã, thành phố; Đội Thuế; Công an xã, phường, thị trấn.

Điều 9. Điều kiện và nội dung đấu giá

1. Điều kiện tổ chức và tham gia đấu giá

a) Các điểm đỗ, bãi trông giữ xe phải phù hợp với quy hoạch và quy định về kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị, được cơ quan có thẩm quyền cho phép sử dụng vào mục đích trông giữ xe;

b) Tối thiểu phải có từ 02 (hai) đối tượng trở lên tham gia đăng ký đấu giá cho 01 địa điểm thu phí trông giữ xe;

c) Người tham gia đấu giá phải cam kết đủ năng lực thực hiện hợp đồng, nộp phí đấu giá theo quy định của Nhà nước; tiền đặt cọc thấp nhất bằng 20% so với mức giá khởi điểm và sẽ được hoàn trả lại cho người không trúng đấu giá sau khi buổi đấu giá kết thúc.

2. Nội dung đấu giá

a) Mức giá khởi điểm do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn công bố, phải đảm bảo sát với tổng số thu phí của một vài năm trước, được hình thành trên cơ sở mức giá thu phí kèm theo Quy định này;

b) Nêu rõ đối tượng thu, mức thu, phạm vi, ranh giới điểm đỗ, bãi trông giữ xe, thời gian và số lần nộp tiền trúng đấu giá vào Ngân sách Nhà nước;

c) Thời gian thực hiện quyền khai thác phí trông giữ xe là 01 năm (một năm).

Điều 10. Phương thức đấu giá, người trúng đấu giá

Tùy tình hình thực tế, người chủ trì buổi đấu giá quyết định phương thức đấu giá (bằng miệng, thăm kín).

Người trúng đấu giá là người có số tiền trả giá cao nhất. Người trúng đấu

giá sẽ được nhận quyền khai thác phí trông giữ xe trong thời gian 01 (một) năm.

Điều 11. Giao, nhận thầu quyền khai thác phí trông giữ xe

1. Đối với người trúng đấu giá quyền khai thác

a) Ký hợp đồng nhận quyền khai thác phí trông giữ xe với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

b) Thu phí trông giữ xe theo hợp đồng đã ký; được hưởng toàn bộ phần thu vượt so với số tiền trúng đấu giá, nếu lỗ thì tự bù đắp chi phí; được đảm bảo các quyền lợi khác theo hợp đồng đã ký;

c) Nộp 100% số tiền trúng đấu giá vào Ngân sách Nhà nước theo hợp đồng đã ký; thực hiện thu phí trông giữ xe theo mức thu do Nhà nước quy định; thực hiện nghĩa vụ thuế đối với hoạt động kinh doanh theo quy định của Nhà nước;

d) Thực hiện đúng quy định về mức thu phí; trường hợp vi phạm sẽ bị phạt theo quy định tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hoá đơn.

2. Đối với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

Thực hiện ký hợp đồng giao quyền khai thác phí trông giữ xe với người trúng đấu giá; căn cứ vào tình hình thực tế ở địa phương, quy định cụ thể thời gian, số lần nộp tiền trúng đấu giá vào Ngân sách Nhà nước, nhưng phải nộp dứt điểm trong 6 tháng đầu năm.

Kiểm tra việc thu phí trông giữ xe; xử lý hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời đối với trường hợp bên nhận quyền khai thác phí trông giữ xe vi phạm hợp đồng đã ký kết; phối hợp với Chi cục Thuế (hoặc Đội Thuế) hướng dẫn và đôn đốc người trúng đấu giá nộp số tiền trúng đấu giá theo hợp đồng đã ký kết, các khoản thuế vào Ngân sách Nhà nước; thực hiện niêm yết mức thu phí trông giữ xe ở mỗi địa điểm thu phí; đảm bảo các quyền lợi cho người trúng đấu giá quyền khai thác theo hợp đồng đã ký.

Điều 12. Chứng từ thu phí

Đơn vị thu phí phải sử dụng biên lai thu phí do cơ quan thuế in ấn, cấp phát và thực hiện các quy định về quản lý sử dụng biên lai theo Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phí và lệ phí; Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ.

Khi thu phí phải cấp biên lai thu phí cho đối tượng nộp phí; nghiêm cấm việc thu phí không sử dụng biên lai hoặc biên lai không đúng quy định.

Điều 13. Chế độ tài chính kế toán

1. Đơn vị tổ chức thu phí phải mở sổ sách, biên lai kế toán theo dõi số thu, nộp và sử dụng tiền phí thu được theo đúng chế độ kế toán, thống kê quy định của Nhà nước.

2. Hàng năm, đơn vị tổ chức thu phí phải lập dự toán thu, chi gửi cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính, cơ quan thuế cùng cấp (đối với tổ chức thu là

Ủy ban nhân dân các cấp phải gửi cơ quan tài chính, cơ quan thuế cấp trên), Kho bạc Nhà nước nơi tổ chức thu theo quy định.

3. Định kỳ phải báo cáo quyết toán việc thu, nộp, sử dụng số tiền thu phí theo quy định của Nhà nước đối với từng loại phí; trường hợp thu các loại phí khác nhau phải theo dõi hạch toán và quyết toán riêng đối với từng loại phí.

4. Đối với tiền phí để lại cho đơn vị tổ chức thu, sau khi quyết toán đúng chế độ, tiền phí chưa sử dụng hết trong năm được phép chuyển sang năm sau để sử dụng tiếp theo chế độ quy định.

5. Thực hiện chế độ công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện niêm yết công khai mức thu phí tại nơi thu phí.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 14. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị tổ chức thực hiện thu phí theo quy định.

Điều 15. Cơ quan thuế nơi đơn vị thu đóng trụ sở có trách nhiệm cấp biên lai thu phí cho đơn vị thu; kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thu phí thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng biên lai thu tiền phí theo đúng chế độ quy định.

Điều 16. Tổ chức, cá nhân vi phạm về quản lý, thu, nộp, sử dụng tiền phí sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Sở Tài chính có trách nhiệm quản lý, kiểm tra thu phí theo đúng quy định. Định kỳ 6 tháng, năm, tổng hợp báo cáo tình hình việc thực hiện thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trên địa bàn tỉnh; theo dõi mức thu phí, tỷ lệ nộp Ngân sách; đồng thời tổng hợp các kiến nghị, đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dương